TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Son**.

2. Bà **Lưu Thị Tuyết Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 842/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, tổ 30, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà K, tổ 30, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:***

Chị L và anh T chung sống vợ chồng vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cả hai thường xảy ra bất hòa và đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh chị sống chung có một người con chung là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 25/01/2015. Cháu T1 đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị sống chung không có tài sản chung và nợ chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và về con chung, tài sản chung, nợ chung. Hiện tình cảm không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị L. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị L và anh T sống chung không có đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung, anh chị có một người con là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 25/01/2015, anh chị thống nhất giao cháu T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L và bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị không có hạnh phúc do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có một người con là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 25/01/2015. Anh chị thỏa thuận giao cháu T1 cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị L và anh T có một người con là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 25/01/2015. Chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008198 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị L đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.